

L, ngày 19 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 254/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*** Người yêu cầu:**

- Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1992

Địa chỉ: 471, tổ 34, khu phố B, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

- Chị **Võ Thị Q**, sinh năm 1991

Địa chỉ: 88, tổ 1, ấp Ô, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Nguyễn Văn T và chị Võ Thị Q có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Anh chị chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn luôn phát sinh và không có khả năng đoàn tụ nên việc anh chị thuận tình ly hôn là có cơ sở.

[2] **Về con chung:** Anh chị thỏa thuận giao cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày: 06/02/2013 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng.

[3] **Về tài sản chung:** Không có nên không xem xét.

[4] **Về nợ chung:** Không có nên không xem xét.

[5] **Về lệ phí:** Anh T tự nguyện chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể

như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Nguyễn Văn T và chị Võ Thị Q thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Giao cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày: 06/02/2013 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng).

Sau khi ly hôn, anh T được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết anh T, chị Q được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và số tiền cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên, thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- **Về tài sản chung:** Không có nên không xem xét.

- **Về nợ chung:** Không có nên không xem xét.

- **Về các vấn đề khác:** Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn T tự nguyện chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí anh T đã nộp tại biên lai thu tiền số 0006085 ngày 19/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Khánh, anh T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND Tp.LK;*
- *UBND P.B, TP.L*
(số 106/2012 ngày 26/7/2012)
- *Lưu án văn;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thành Hải